

Bản án số: 75/2023/HNGĐ-ST

Ngày 31-05-2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Châu Văn Nhâm.

Bà Đỗ Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thiêm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa:
Không tham gia

Ngày 31/05/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 184/2023/TLST-HNGĐ ngày 20/3/2023 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/5/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị H**, sinh năm 1996

Địa chỉ: **ấp D, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.**

- Bị đơn: Anh **Phạm Minh Q**, sinh năm 1996

Địa chỉ: **ấp D, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.**

(Chị **H**, anh **Q** vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ngày 07/3/2023, bản tự khai và trong quá trình làm việc nguyên đơn chị **Hoàng Thị H** trình bày: Trên cơ sở tự nguyện, vào năm 2019, chị và anh **Phạm Minh Q** tự nguyện tìm hiểu và đã đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai**. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị không tin tưởng nhau, không tìm được tiếng nói chung, không ai chịu nhường nhịn ai nên từ đó vợ chồng hay cãi nhau. Anh chị không còn sống chung với nhau từ tháng 3/2022 cho đến nay. Nay chị thấy không còn tình cảm với anh **Q** nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên là **Phạm Hoàng Khánh T**, sinh ngày 05/8/2019. Hiện nay cháu **T** đang sống với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị không yêu cầu anh **Q** cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Trong quá trình làm việc, bị đơn anh **Phạm Minh Q** trình bày:

Anh thống nhất lời trình bày của chị **H** về điều kiện kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng anh cũng thống nhất với lời trình bày của chị **H**. Anh chị đã không còn sống chung từ tháng 3/2022 cho đến nay. Nay chị **H** yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý ly hôn vì anh vẫn còn tình cảm với chị **H**, muốn hàn gắn tình cảm gia đình.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên là **Phạm Hoàng Khánh T**, sinh ngày 05/8/2019. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **H** thì anh đồng ý giao con chung cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị **Hoàng Thị H**, anh **Phạm Minh Q** có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó tiến hành xét xử vắng mặt chị **H**, anh **Q** theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Chị **Hoàng Thị H** có đơn khởi kiện ly hôn với anh **Phạm Minh Q**, do đó xác định chị **H** là nguyên đơn, anh **Q** là bị đơn theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Hoàng Thị H** và anh **Phạm Minh Q** tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau năm 2019 tại Ủy ban nhân **xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai**, do đó quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

Xét yêu cầu của đương sự nhận thấy: Chị **H** yêu cầu được ly hôn, anh **Q** không đồng ý ly hôn vì anh vẫn còn tình cảm với chị **H**, muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên, cả chị **H**, anh **Q** đều thừa nhận: Vợ chồng anh chị hay cãi nhau vì không tìm được tiếng nói chung. Anh chị đã không còn sống chung với nhau từ tháng 3 năm 2022. Từ đó đến nay, hai vợ chồng không quan tâm, bỏ mặc cuộc sống của nhau. Như vậy, chứng tỏ trong cuộc sống hôn nhân giữa chị **H** và anh **Q** đã xảy ra mâu thuẫn. Hiện nay, anh chị bỏ mặc không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, không còn thực hiện quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định pháp luật, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Hoàng Thị H** là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Anh chị thỏa thuận giao cháu **Phạm Hoàng Khánh T**, sinh ngày 05/8/2019 cho chị **Hoàng Thị H** trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Xét thấy, sự thỏa thuận của anh chị là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **H** không yêu cầu anh **Q** cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Chị **Hoàng Thị H** phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Hoàng Thị H** ly hôn anh **Phạm Minh Q**.

2. Về con chung: Giao cháu **Phạm Hoàng Khánh T**, sinh ngày 05/8/2019 cho chị **Hoàng Thị H** trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **H** không yêu cầu anh **Q** cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Anh **Q** được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị **Hoàng Thị H** phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007376 ngày 07/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc được khấu trừ thành tiền án phí.

Chị **H**, anh **Q** được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H.Xuân Lộc;
- CCTHADS H.Xuân Lộc;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi kết hôn;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Huệ

